

Vài Loại Hoa Trong Ngày Valentine

Phạm Đình Lân

Ngày 14 tháng 02 là ngày lễ Valentine tức lễ tình nhân ở các quốc gia chịu ảnh hưởng của đạo thờ đấng Christ. Ở Hoa Kỳ ngày Lễ Tình Nhân là ngày người ta gửi nhiều thiệp và hoa cho tình nhân nhiều nhất trong năm. Trước khi nói về các loại hoa trong ngày Lễ Tình Nhân tôi xin nói qua về nguồn gốc của ngày Valentine tức ngày Lễ Tình Nhân.

Nguồn Gốc Ngày Lễ Tình Nhân

Trong tiếng Anh hay tiếng Pháp Valentine không có nghĩa là tình nhân mà là tên của một vị Thánh tử đạo Thiên Chúa Giáo. Trong Giáo Hội Thiên Chúa Giáo có ba vị Thánh Valentine hay Valentinus. Cả ba đều tử đạo. Và cả ba vị Thánh Valentine đều tử đạo vào ngày 14-02.

- Vị Thánh Valentine thứ nhất là một linh mục ở Rome (La Mã)
- Vị Thánh Valentine thứ hai là giám mục ở Terni
- Vị Thánh Valentine thứ ba không được rõ lắm. Chỉ biết rằng người tử đạo ở Phi Châu.

Ngày lễ Valentine gắn liền với linh mục Valentine ở Rome vào thế kỷ thứ III sau Tây Lịch. Vào thời này đế quốc La Mã bắt đầu suy yếu. Ở Ý vào những thế kỷ đầu sau Tây lịch đạo Thiên Chúa và tôn giáo đa thần thời cổ La Mã tồn tại song song nhau. Năm 268 sau Tây Lịch Claudius Gothicus, một tướng lĩnh của đế quốc La Mã, được quân sĩ đưa lên làm hoàng đế tức hoàng đế Claudius II (268- 270). Ông là người thích chinh chiến và say mê chiến thắng. Ông muốn có những người lính thiện chiến hăng say đánh giặc. Ông ban hành chỉ dụ cấm thanh niên lập gia đình vì một quân nhân có gia đình không thể là một quân nhân hăng say chiến đấu vì bị ràng buộc bởi trách nhiệm với vợ con. Linh mục Valentine chống lại chỉ dụ phi lý và bất nhân của hoàng đế Claudius II. Ông bí mật cử hành lễ cưới cho các tình nhân. Hoàng đế Claudius II tức giận khi biết được tin này. Ông ra lệnh hạ ngục linh mục Valentine. Trong khám đường ông Valentine được sự quý trọng của viên cai ngục Asterius. Ông này có một người con gái mù được Valentine chữa khỏi. Có tài liệu cho rằng một mối tình nảy nở giữa vị linh mục trong ngục và sắp bị xử chém với người con gái của viên cai ngục Asterius. Điều này không được Giáo Hội La Mã chấp nhận. Trước khi bị xử chém về tội dám chống lại lệnh hoàng đế, Valentine xin một tờ giấy và một cây viết để viết một bức thư ngắn gửi người con gái mù đã được ông chữa khỏi với ba chữ lịch sử được ghi trong thiệp Valentine *From your Valentine* (Từ Valentine của em). Valentine bị chém đầu ngày 14-02-270 sau Tây Lịch. Đó cũng là năm Claudius II mất sau khi ngự trị được 02 năm.

Năm 496, Đức Giáo Hoàng Gelasius biến lễ Lupercalia (1) của người La Mã tưởng nhớ đến Thần Faucus, Thần Nông Nghiệp, và hai sáng lập viên thành La Mã là Romulus và Remus thành Lễ Thánh Valentine vào ngày 14-02. Theo thông lệ thời La Mã, lễ Lupercalia cử hành vào ngày 15-02 hàng năm. Giáo Hội Thiên Chúa ngày càng mạnh hơn. Đế quốc La Mã ở trong tình trạng suy lung. Ngày lễ Lupercalia xem như chấm dứt vào năm 496 và được thay thế bằng ngày Thánh Valentine 14-02 hàng năm.

Lễ Valentine được tổ chức để tưởng nhớ đến công lao của linh mục Valentine vì lên lút tổ chức hôn lễ cho các cặp tình nhân mà bị xử chém. Ông vì phạm lệnh cấm không cho thanh niên nam nữ lập gia đình của hoàng đế Claudius II. Lễ Valentine cử hành vào tháng hai vì:

- tháng hai là tháng giáo sĩ Valentine bị xử tử
- tháng hai là tháng đầu Xuân. Quan niệm này trùng hợp với Tết ở Đông Phương.
- vào thời Trung Cổ người Anh và Pháp tôn vinh Thánh Valentine. Người Anh cho rằng ngày 14-02 là ngày chim muông giao tình. Điều tộc được xem như biểu tượng của các tình nhân yêu nhau.

Lễ Tình Nhân hay Ngày Valentine là cơ hội cho nam tình nhân tặng *hoa tình nhân* cho nữ tình nhân. Hoa tình nhân mà chúng ta sắp đề cập là những loại hoa đẹp và có nhiều ý nghĩa.

Hoa Trong Ngày Tình Nhân

Dưới đây là những loại hoa thường thấy trong bó hoa Ngày Tình Nhân:

Hoa Dành Dành



Hoa dành dành tức *Gardenias* tượng trưng cho sự *thanh khiết, vui tươi*. Đó là một loại hoa cao từ 1 đến 1.50 m; lá láng màu xanh sẫm; hoa nhiều cánh có hương thơm dễ chịu; có trái. Hoa dành dành gốc ở Trung Hoa, Nhật, Việt Nam được tìm thấy khắp nơi trên thế giới nhất là trên các hải đảo Caribbean. Hoa dành dành đẹp và có hương thơm nhất là dành dành đại đóa *Gardenia grandiflora* thuộc gia đình *Rutaceae*. Hoa to có nhiều lớp và nhiều cánh hoa trắng và thơm. Dần dần hoa chuyển sang màu vàng nhạt. Người Anh chiếm Nam Phi và thấy dành dành đại đóa này và đặt tên nó là Cape Jasmine (Hoa Lài Cape) làm cho người ta tưởng loại dành dành này gốc ở Cape, Nam Phi. Người Trung Hoa gọi dành dành đại đóa là *Zhi zi* (Chi Tử). Trái dành dành gọi là *chi tử*,

một vị thuốc trong Đông Y.

Ngoài vẻ đẹp, hương thơm và ý nghĩa hoa dành dành đại đóa còn có nhiều công dụng khác:

- Hoa và trái dùng để thay nghệ nhuộm thức ăn hay vải vóc màu vàng vì có *gardenin* và *cocin*
- Hoa và trái dùng làm thuốc nhuận trường, chặn đứng dạ dày tiết dịch vị chua, hạ huyết áp, ngăn xơ động mạch, sự đông máu, tẩy độc chất trong cơ thể, trị chứng *dysphoria* tức bệnh có cảm giác bất mãn và không hài lòng bất cứ chuyện gì.
- Về thành phần hóa học hoa và trái dành dành (chi tử) có: *gardenoside, genipin, geniposide* C17 H24 O10, *crocin* C44 H64 O24, *gentiobioside, gardenin, crocetin, mannitol, beta-sitosterol, chlorogenic acid* C16 H18 O9.

Hoa Lan

Hoa Lan (Iris) tượng trưng cho *hy vọng, thủy chung*. Theo huyền thoại Hy Lạp, nữ Thần Iris mang thông điệp tình yêu cho các thiếu nữ. Trong Hy Lạp ngữ Iris có nghĩa là cầu vồng ngũ sắc.



Hoa lan trắng là huy hiệu của các nhà lãnh đạo Ai Cập vào thế kỷ XVI trước Tây Lịch. Huy hiệu ba Hoa Lan Trắng của Pháp xuất hiện từ năm 498 sau khi Charles Clovis (466- 511) chỉ huy quân Pháp vượt sông Rhine đánh bại quân người Goths trong thế chuyển bại thành thắng sau khi Clovis thấy ba hoa lan vàng trên bờ sông Rhine và cho đó là điềm lành do Thiên Thần chỉ bảo. Sau đó ông làm lễ rửa tội vào đạo Thiên Chúa. Quốc kỳ Pháp thời quân chủ có hình hoa lan. Hoa lan cũng là quốc hoa của Pháp. Người Anh cũng gọi hoa lan là *flagflower* (kỳ hoa). Hoa lan *Iris florentina* (2) và *Iris germanica* gốc ở vùng Địa Trung Hải và được trồng nhiều ở Ý và Đức thuộc gia đình *Iridaceae*. Dầu hoa lan này được dùng trong thức uống, kem đánh răng, kẹo chewing gum. Củ cây

hoa lan phơi khô dùng để sản xuất nước hoa. Củ hoa lan phơi khô gọi là *Orissroot*, âm trại từ *Iris root*, ngày xưa được người Hy Lạp, Ai Cập và La Mã dùng để làm dầu thơm, phấn thơm, làm thuốc.

Nếu ở Tây Phương hoa lan được quý trọng thì ở nước ta có những câu thơ, ca dao hay chuyện Lan và Điệp không mấy vui tươi như:

Lan mấy đóa lạc loài sơn dã
(Cung Oán Ngâm Khúc)

Lan, huệ sâu ai lan, huệ héo,
Lan, huệ sâu tình trong héo ngoài tươi.
(Ca Dao)

Thi hào Nguyễn Du có tâm trạng khi viết *Đoạn Trường Tân Thanh* nhưng ông vẫn còn tinh thần lạc quan khi nhìn vẻ đẹp của hoa lan mùa Xuân và hoa cúc mùa Thu so với sắc đẹp của hai nàng Kiều:

Xuân lan, thu cúc mặn mà cả hai.
(ĐTTT)

Hoa Hướng Dương

Hoa hướng dương hay hoa quỳ (*sunflower*) liên hệ đến Thái Dương. Hoa tượng trưng *hạnh phúc, đầm ấm*. Còn tên gọi **hoa quỳ** luôn luôn hướng về mặt trời.



*Hoa quỳ một dạ hướng dương,
Phù dung vẫn số đoạ trường kiếp hoa*

Tên khoa học của hoa hướng dương là *Helianthus annuus* thuộc gia đình *Asteraceae* của hoa cúc. Theo từ nguyên Hy Lạp *Helios* là mặt trời. Tiếng La Tinh *annuus* là năm. Người Incas ở Peru ngày xưa xem hoa hướng dương là Thái Dương Thần.

Hoa hướng dương là hoa tròn và to màu vàng tựa như mặt trời và các tia sáng vàng rực rỡ của nó. Hoa hướng dương gốc ở Trung và Nam Mỹ. Người Tây Ban Nha đem hạt giống về Âu Châu. Từ đó hoa hướng dương được trồng ở Trung Âu, Đông Âu và các quốc gia ven

Địa Trung Hải. Ở Hoa Kỳ tiểu bang trồng nhiều hoa hướng dương là Kansas. Hoa hướng dương là hoa biểu tượng của tiểu bang này. Tiểu bang này được mệnh danh là *Sunflower State* (Tiểu Bang Hoa Hướng Dương). Thân cây hoa hướng dương có nhiều sợi. Hoa có nhiều hạt có đến 40% dầu. Dầu hướng dương được dùng trong việc nấu nướng. Sợi dùng để làm dây. Lá và bánh dầu hướng dương là thức ăn của gia súc. Dầu dùng làm bơ thực vật (*margarine*), dùng trong kỹ nghệ xà bông, làm màu vẽ cho các họa sĩ. Nga, Argentina, Ukraine là những nước trồng nhiều hoa hướng dương và sản xuất nhiều dầu hướng dương. Hạt hoa hướng dương rang ăn như hạt dưa.

Ca dao Việt Nam nói về hướng dương (hoa quỳ) có câu:

*Chim quỳên hút mật hoa quỳ,
Ba năm còn đợi sá gì một năm.*

Trong ngôn ngữ Việt Nam từ *quỳ* hoặc tức cây quỳ và cây hoặc đều hướng về mặt trời. Quỳ hoặc có nghĩa là *trung thành*.

Hoa Cẩm Chướng hay Hoa Cẩm Nhung

Hoa cẩm chướng (Carnation- Clove pink) tượng trưng cho *tình yêu, sự mến phục, sự ngưỡng mộ, sự may mắn* nhưng phải là *cẩm chướng đỏ* chứ không phải cẩm chướng tím. Tên khoa học của hoa cẩm chướng là *Dianthus caryophyllus* thuộc gia đình *Caryophyllaceae*. Nếu chiết tự tên khoa học *Dianthus caryophyllus* trong tên khoa học theo Hy Lạp ngữ ta có *Dios* có nghĩa là Thần Thánh ám chỉ Thần Zeus-Anthos: hoa-Karyophyllon: đình hương. Như vậy phải tạm hiểu hoa cẩm chướng là hoa của Thần Thánh có mùi đình hương. Do đó ngoài tên gọi *Carnation*, hoa cẩm chướng còn được người Anh gọi là *clove pink* (hoa màu hồng có mùi đình hương).



Hoa cẩm chướng to màu đỏ, hồng hay tím (người ta không thích cẩm chướng màu tím) được cấu tạo bằng nhiều cánh hoa mỏng, gợn sóng tai bèo. Hoa đẹp và có hương thơm mùi đình hương. Hoa cẩm chướng là quốc hoa của Tây Ban Nha, Liên Xô và là hoa biểu tượng của tiểu

bang Ohio. Hoa cẩm chướng được dùng trong Ngày Lễ Mẹ (Mother's Day) ở Hoa Kỳ. Ở Triều Tiên người ta dùng hoa cẩm chướng trong ngày Phụ Mẫu 08-05 và Ngày Tôn Sư 15-05. Cuộc chánh biến năm 1974 ở Bồ Đào Nha được gọi là cuộc Cách Mạng Hoa Cẩm Chướng.

Dầu hoa cẩm chướng được dùng trong ngành sản xuất nước hoa. Thân cây hoa cẩm chướng có nhiều saponins. Ngày xưa người ta lấy thân và lá hoa cẩm chướng ngâm trong nước làm xà bông giặt quần áo. Dầu cẩm chướng có tác dụng hạ sốt, trị rối loạn thần kinh, bổ tim. Ở Trung Hoa người ta dùng cẩm chướng *Dianthus chinensis* để trị đường tiểu bị nhiễm trùng, nước tiểu có chất vôi, táo bón, kinh nguyệt bất thông.

Hoa Huệ Casablanca

Hoa huệ Casablanca (Casablanca lily- Oriental lily) tượng trưng cho tình yêu, ngôi thứ, phong cách.

Tên khoa học của hoa huệ Casablanca là *Lilium casablanca* thuộc gia đình Liliaceae. Huệ được trồng bằng củ. Hoa huệ Casablanca hữu sắc hữu hương. Hương tỏa vào ban đêm rất thơm. Hoa có sáu cánh dài; nhụy vàng hay đỏ- đen rất đẹp. Huệ này được xem là Nữ Hoàng của các loài hoa.

Hoa huệ Casablanca có mặt trong các bó hoa Valentine, hoa cưới và trong bình cắm hoa nghệ thuật Ikebana.



Hoa Uất Kim Hương



Hoa uất kim hương (tulip) tượng trưng *tình yêu tuyệt hảo*.

Tên khoa học của hoa uất kim hương là *Tulipa polychroma* thuộc gia đình Liliaceae. Hoa uất kim hương được trồng bằng củ. Hoa có nhiều màu sắc khác nhau: đỏ, vàng, trắng, hồng v.v. Hoa uất kim hương tựa như hoa sen trên cạn nhưng có màu sắc đậm đà hơn. Hoa uất kim hương búp hay nở đều giống hoa sen nhất là hoa uất kim hương màu trắng với nhụy vàng giống như hoa sen trắng vậy. Hoa uất kim hương được trồng bằng củ. Đó là một loài hoa xuất phát từ Trung Á, Cận Đông trên cao độ từ 700- đến 800 m và được du nhập vào Âu Châu, Mỹ Châu và các lục địa khác trên thế giới có điều kiện khí hậu thích hợp. Củ hoa uất kim hương làm giàu cho nước Hòa Lan vào thế kỷ XVII. Ngày nay Hòa Lan vẫn là quốc gia nổi tiếng về kỹ thuật trồng uất kim hương.

Quốc hoa của Iran là hoa uất kim hương.

Hoa Huệ Peru tức Huệ Incas

Hoa huệ Peru hay huệ Incas (3) cũng được xem là nữ hoàng của các hoa như hoa huệ Casablanca. Nó tượng trưng cho *tình thân hữu, sự tận tụy, phú quý, phồn thịnh, sự nghiệp*.

Hoa huệ Peru và hoa huệ Casablanca là hoa không thể thiếu trong các bó hoa hôn lễ, hoa tình nhân và các bình hoa nghệ thuật Ikebana. Tên khoa học của hoa huệ Peru là *Alstroemeria aurea* (aurea: màu vàng kim) thuộc gia đình Liliaceae hay Amaryllidaceae hay Alstroemeriaceae. Chữ *Alstroemeria* trong tên khoa học xuất phát từ tên của bá tước và nhà thực vật học Thụy Điển Clas Alstromer (1736- 1794). Người Anh gọi huệ Peru là Peruvian lily, Inca lily, Parrot lily (có lẽ vì loại huệ này có nhiều lá dài màu xanh tươi như lông con két <vet verte> chẳng?) Người Pháp gọi là Lis d'Incas.

Hoa huệ Peru có nhiều màu khác nhau chứ không riêng màu vàng kim như tên khoa học minh định. Hoa có đủ màu: trắng, đỏ, hồng, vàng kim, vàng cam v.v. Hoa có 06 cánh với nhụy rất dài. Ngày nay người ta thập các giống huệ khác nhau để có hoa đủ màu lẫn lộn rất khó mô tả và xác định màu chính xác được.

Hoa huệ Peru gốc ở Nam Mỹ nhưng ngày nay nó được tìm thấy khắp nơi trên thế giới như đảo Canary, Mễ Tây Cơ, Hoa Kỳ, các nước Nam Mỹ. Huệ đỏ Brazil *Alstroemeria caryophyllaea* và huệ trắng *Alstroemeria camilla* cùng với huệ vàng *Alstroemeria aurea* là những màu được người trồng hoa ưa thích.



Hoa Cúc Gerbera

Hoa cúc dòng Gerbera lấy tên bác sĩ và nhà thực vật học Đức Traugot Gerber (1710- 1743), người khám phá ra loại cúc này ở Moscow, tượng trưng sự thanh khiết, ngây thơ, sắc đẹp và sự hân hoan phấn khởi.



Hoa cúc Gerbera aurantiaca còn được gọi là cúc Hilton (Hilton daisy) thuộc gia đình Asteraceae hay Compositae là loại cúc mọc hoang trong các thảo dã ở Nam Phi. Nó được khám phá vào hậu bán thế kỷ XIX và được xác nhận đó là loại cúc mà Gerber đã phát hiện vào thế kỷ XVIII. Vì vậy người ta lấy tên ông Gerber để đặt tên cho dòng thảo mộc của loại cúc đẹp nhưng khan hiếm này. Chữ aurantiaca gốc La Tinh có nghĩa là màu vàng cam. Thực tế cúc Gerbera có màu vàng cam, màu đỏ và màu hồng. Hoa to hình tròn với nhiều cánh hoa. Trung tâm hoa là nhụy hoa tạo thành một vòng tròn nhỏ màu đen và màu hung đỏ-đen. Lá dài và nhọn. Có loại có răng cưa và có loại rìa lá chỉ gợn sóng thôi. Hoa cúc Gerbera aurantiaca được gọi là Hilton daisy vì loại hoa này được tìm thấy nhiều ở làng Hilton, Nam Phi. Ở Nam Phi còn có cúc

Gerbera jamesonii cũng tựa như cúc Gerbera aurantiaca.

Cúc Gerbera được xem là một trong năm loại hoa đẹp được trân quý là Hồng, Cẩm chướng, Cúc Chrysanthemum, Uất Kim Hương, và Cúc Gerbera.

Cúc Gerbera không có dược tính nhưng loại cúc này mang nhiều lợi nhuận cho người trồng hoa.

Lan Thủy Tiên

Trong bó hoa tình nhân Phong lan (orchid) là biểu tượng của *tình yêu, sự xa hoa và sắc đẹp*.

Có hàng ngàn loại phong lan khác nhau. Ở đây tôi chọn lan thủy tiên vì loại lan này có nhiều ở Việt Nam, Hoa Nam, Nhật, các nước Đông Nam Á, vùng Hy Mã Lạp Sơn và được người trồng hoa cảnh trên thế giới mến mộ.



Tên khoa học của lan thủy tiên là Dendrobium densiflorum thuộc gia đình Orchidaceae. Theo từ nguyên ta có: Dendro: cây; bio: sự sống (Hy Lạp); densiflorum: nhiều hoa; hoa đậm đặc (La Tinh). Người ta trồng lan thủy tiên bằng củ cho bám vào một cây to như dạng chum gởi (epiphyte) hay cho bám vào đá (lithophyte). Lan thủy tiên có hoa vàng hay trắng rất đẹp. Hoa mọc thành khóm tạo thành hình trái thơm được kết bằng hoa trắng hay hoa vàng của lan thủy tiên. Đó là lý do tại sao người Anh gọi lan thủy tiên là Pineapple orchid.

Thân lan thủy tiên có plicatol B C15 H12 O3 trị u bướu và homoeriodictyol C16 H14 O6 làm giảm các chất đắng của thuốc như ký ninh (quinine) hay thực phẩm như cà phê chẳng hạn.

Trong Hoa Y người ta dùng hoạt chất của các loại phong lan để điều hòa sự tiêu hóa.

Hoa Hồng

Hoa hồng là loài hoa đẹp có hương thơm được nhân loại ưa thích và trồng khắp nơi trên thế giới. Hoa hồng thực sự không chỉ có màu hồng mà có hồng trắng, hồng vàng, hồng đỏ v.v. Tùy theo màu mà hoa hồng có ý nghĩa tượng trưng khác nhau:

- Hồng Đỏ: *đam mê*
- Hồng Vàng: *thân hữu, vui vẻ*
- Hồng Trắng: *ngây thơ, khiêm tốn, tiếng sét ái tình*

Hoa hồng gốc ở Nam Âu Châu tức ở phía đông Địa Trung Hải và lục địa Á- Âu. Đặc điểm nổi bật của hoa hồng là vẻ đẹp ngoại hình kiêu sa, hương thơm quyến rũ nhưng cây hồng nào cũng có gai. Vì vậy người Pháp có câu:

Pas de rose sans épines

No rose without thorns

Không hoa hồng nào không có gai.

Có nhiều loại hồng với nhiều màu sắc khác nhau. Đại cương các loại hồng chánh gồm có:

- Hồng trà Rosa odorata ở Trung Hoa có hoa vàng rất đẹp và rất thơm (odorata)



- Hồng lùn Polyantha là hồng Trung Hoa Rosa chinensis + Rosa multiflora (đa hoa)
- Hồng Floribunda là hồng lùn Polyantha + hồng xú hương Rosa foetida
- Hồng đại đóa là hồng lai giữa hồng trà Rosa odorata + hồng Floribunda
- Hồng lùn tí hon Rosa chinensis minima rất đẹp.

Hồng hiêm hoi là hồng có màu xanh thiên thanh.

Tên khoa học của hoa hồng là Rosa officinalis thuộc gia đình Rosaceae

Hoa hồng gắn liền với huyền thoại Hy Lạp và La Mã. Thần Venus, nữ Thần Tình Yêu, đi tìm Adonis bị gai hoa hồng trắng đâm vào chân chảy máu. Máu của Venus nhuộm đỏ hoa hồng trắng.

Hoa hồng tiêu biểu của tín đồ Thiên Chúa Giáo là hoa hồng huyền nhiệm Rosa mystica.

Hoa hồng Rosa damascena (tên thành phố Damascus, thủ đô Syria) được tín đồ Hồi Giáo trân quý vì tin rằng đó là sự hóa dạng của những giọt mồ hôi của giáo chủ khi thăng thiên.

Từ xưa người Hy Lạp, La Mã và Ba Tư (Iran bây giờ) biết dùng hoa hồng làm nước hoa, mỹ phẩm và làm thuốc uống (trái). Dầu hoa hồng rất quý giá. Ngày nay vua chúa vẫn dùng dầu hoa hồng trong ngày lễ đăng quang.

Trái hoa hồng Rosa laevigata ở Taiwan (Đài Loan) và các nước Đông Nam Á được dùng làm thuốc hưng phấn thận, trị chứng vô tử, tiêu chảy kinh niên.

Nói về hoa hồng ca dao Việt Nam có câu:

Trồng hồng bẻ lá che hồng

Đừng cho những miệng thế thường bán rao.

Hoa hồng là quốc hoa của Hoa Kỳ và là hoa biểu tượng của nhiều tiểu bang ở Hoa Kỳ. Tháng 06 là Quốc tháng Hoa Hồng.